

KẾT QUẢ ĐIỂM THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẠC 2/6
KỲ THI NGÀY 27/8/2023

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
1	A2001	Huỳnh Nguyên Tuấn	Anh	22/10/1991	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	17,0	22,0	19,0	22,0	8,0	Đạt		
2	A2002	Trần Thị	Anh	01/01/1985	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17,0	21,0	19,0	20,0	7,5	Đạt		
3	A2003	Đào Thị Ngọc	Bích	26/04/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15,0	21,0	20,0	19,0	7,5	Đạt		
4	A2004	Nguyễn Hoài	Biên	15/06/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	14,0	19,0	20,0	19,0	7,0	Đạt		
5	A2005	Phạm Văn	Qua	07/06/1994	Quảng Ngãi	Nam	H're	10,0	21,0	19,0	18,0	7,0	Đạt		
6	A2006	Lê Quang Quốc	Chí	18/04/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	13,0	21,0	18,0	19,0	7,0	Đạt		
7	A2007	Trần Văn	Chương	10/08/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	16,0	22,0	21,0	17,0	7,5	Đạt		
8	A2008	Huỳnh Thị Ngọc	Duyên	26/02/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	16,0	22,0	21,0	17,0	7,5	Đạt		
9	A2009	Nguyễn Thanh	Đạo	01/02/1982	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	17,0	21,0	20,0	19,0	7,5	Đạt		
10	A2010	Trần Thành	Đạt	25/03/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	15,0	21,0	20,0	19,0	7,5	Đạt		
11	A2011	Nguyễn Ngọc	Hà	29/08/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	18,0	21,0	20,0	19,0	8,0	Đạt		
12	A2012	Đinh Thị	Hai	03/09/1989	Quảng Ngãi	Nữ	H're	18,0	21,0	20,0	18,0	7,5	Đạt		
13	A2013	Đinh Văn	Hảo	03/05/2002	Quảng Ngãi	Nam	H're	13,0	21,0	21,0	19,0	7,5	Đạt		
14	A2014	Nguyễn Tấn	Hảo	04/04/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	14,0	22,0	22,0	21,0	8,0	Đạt		
15	A2015	Võ Thị Thúy	Hằng	19/07/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	16,0	21,0	20,0	21,0	8,0	Đạt		Thi lại
16	A2016	Lâm Thúy	Hậu	02/04/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	13,0	20,0	20,0	21,0	7,5	Đạt		

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
17	A2017	Hồ Thị	Hiệp	21/07/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Co	13,0	21,0	19,0	19,0	7,0	Đạt		
18	A2018	Huỳnh Văn	Học	04/12/1987	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	16,0	20,0	21,0	19,0	7,5	Đạt		
19	A2019	Lê Chánh	Huy	01/11/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	16,0	21,0	18,0	21,0	7,5	Đạt		
20	A2020	Nguyễn	Khang	11/11/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	17,0	21,0	20,0	21,0	8,0	Đạt		
21	A2021	Nguyễn Đình	Khang	13/04/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	11,0	21,0	19,0	20,0	7,0	Đạt		
22	A2022	Phạm Văn	Liên	06/04/1993	Quảng Ngãi	Nam	H're					0,0		Không đạt	Vắng
23	A2023	Nguyễn Thị Như	Mai	02/04/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	13,0	21,0	20,0	20,0	7,5	Đạt		
24	A2024	Phan Hoài	Nam	16/06/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	15,0	20,0	17,0	17,0	7,0	Đạt		
25	A2025	Trần Thị Thu	Nương	22/10/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	18,0	19,0	18,0	17,0	7,0	Đạt		
26	A2026	Nguyễn Thị Thu	Nhi	27/12/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	22,0	23,0	20,0	20,0	8,5	Đạt		
27	A2027	Nguyễn Kha	Nhĩ	26/01/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	18,0	20,0	16,0	17,0	7,0	Đạt		
28	A2028	Phạm Thị Kiều	Oanh	09/07/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19,0	20,0	19,0	17,0	7,5	Đạt		
29	A2029	Nguyễn Thị Thu	Phương	05/01/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17,0	21,0	17,0	17,0	7,0	Đạt		
30	A2030	Bùi Hải	Quang	10/02/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	14,0	19,0	18,0	18,0	7,0	Đạt		
31	A2031	Đình Y	Quyết	14/04/1997	Quảng Ngãi	Nữ	H're	15,0	20,0	20,0	17,0	7,0	Đạt		
32	A2032	Hồ Văn	Sinh	28/03/1991	Quảng Ngãi	Nam	Co	18,0	16,0	18,0	17,0	7,0	Đạt		
33	A2033	Lê Nhật	Tân	12/01/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	10,0	21,0	18,0	17,0	6,5	Đạt		
34	A2034	Trương Quang	Tiến	29/07/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	13,0	21,0	18,0	18,0	7,0	Đạt		
35	A2035	Phan Minh	Tịnh	14/09/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	18,0	12,0	15,0	18,0	6,5	Đạt		
36	A2036	Võ Mạnh	Toàn	05/01/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	18,0	18,0	18,0	17,0	7,0	Đạt		Thi lại

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm tổng cộng quy về thang điểm 10	Kết quả		Ghi chú
								Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
37	A2037	Huỳnh Minh	Tuấn	03/07/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	12,0	17,0	17,0	17,0	6,5	Đạt		
38	A2038	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	07/06/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17,0	15,0	21,0	20,0	7,5	Đạt		
39	A2039	Võ Thanh	Thiện	14/10/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	16,0	15,0	17,0	20,0	7,0	Đạt		
40	A2040	Trần Thị Minh	Thu	10/02/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	16,0	14,0	14,0	17,0	6,0		Không đạt	
41	A2041	Tạ Văn	Trí	30/01/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	16,0	17,0	15,0	19,0	6,5	Đạt		
42	A2042	Đình Tấn	Trông	02/09/1974	Quảng Ngãi	Nam	H're	17,0	9,0	10,0	17,0	5,5		Không đạt	Thi lại
43	A2043	Hồ Quang	Trung	19/10/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	17,0	17,0	16,0	19,0	7,0	Đạt		
44	A2044	Hồ Thị Xuân	Vui	01/03/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15,0	16,0	15,0	17,0	6,5	Đạt		
45	A2045	Bùi Thị Thảo	Vy	12/09/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	16,0	18,0	19,0	18,0	7,0	Đạt		Thi lại
46	A2046	Ka Ky	Weo	02/09/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kdong	19,0	14,0	19,0	17,0	7,0	Đạt		

Danh sách này có: 46 thí sinh, trong đó số dự thi: 45 thí sinh, số vắng thi: 01 thí sinh.